

**Soạn Listening Unit 14 lớp 10 trang 153 - 154 - 155**

Listen and write down the missing information. (*Nghe và viết các thông tin còn thiếu.*)

**Bài nghe:**

(1) 8:45 (2) students (3) Mountain (4) are reduced (5) 7:30

**TAPESCRIPT - Nội dung bài nghe:**

This is a recorded announcement for the week beginning Monday October 22<sup>nd</sup>.

Studio One: Voyage to jupiter - doors open at 2 pm, programme begins 2:30, last complete performance at 8:45. All seats bookable, adults \$3, children, students and senior citizens \$1.50.

Studio Two: showing all this week and next The Marvelous Mountain, doors open 1:30, programme begins at two o'clock. Ticket prices are reduced this week only.

Studio Three: starting today the long-awaited epic Master Dragon. One showing daily at 7:30. No advance booking but patrons are advised to queue early. Doors open 7pm.

For further details and booking office phone 0342 5791 any time between 10 a.m and 6 p.m, that's 0342 5791.

**Hướng dẫn dịch:**

Đây là thông báo được ghi lại trong tuần bắt đầu từ ngày 22 tháng 10.

Studio One: Voyage to jupiter - cửa mở lúc 2 giờ chiều, chương trình bắt đầu 2:30, buổi biểu diễn cuối cùng lúc 8:45. Tất cả chỗ ngồi có thể đặt, người lớn \$ 3, trẻ em, học sinh và công dân cao cấp \$ 1,50.

Studio Two: hiển thị tất cả tuần này và tiếp theo The Marvelous Mountain, cửa mở 1:30, chương trình bắt đầu lúc hai giờ. Giá vé chỉ được giảm trong tuần này.

Studio Three: bắt đầu từ ngày hôm nay, Dragon Dragon sử thi được chờ đợi từ lâu. Chiều hàng ngày lúc 7:30. Không đặt trước nhưng khách hàng quen nên xếp hàng sớm. Cửa mở cửa lúc 19:00.

Để biết thêm chi tiết và đặt điện thoại văn phòng 0342 5791 bất kỳ lúc nào từ 10 giờ sáng đến 6 giờ chiều, đó là 0342 5791.

### ***Soạn Reading Unit 14 lớp 10 trang 153 - 154 - 155***

Read the passage, and then answer the questions. (*Đọc đoạn văn, và sau đó trả lời các câu hỏi.*)

#### **Hướng dẫn dịch:**

Đối với nhiều thanh niên ở Anh, thể thao là một phần rất được ưa thích trong cuộc sống học đường, và việc tham gia vào một trong những đội thể thao của nhà trường và thi đấu rất quan trọng. Nếu ai đã tham gia vào một đội thể thao thì phải luyện tập thêm rất nhiều và thường xuyên có những ngày thứ Bảy hay Chủ Nhật xa nhà khi các trận đấu được tổ chức.

Điều này cũng bao gồm luôn việc họ phải đến thành phố khác để thi đấu với các đội thể thao trường bạn, và sau đó nán lại sau trận đấu để ăn uống. Đôi khi bố mẹ, bạn bè và những học sinh khác cũng đi theo để cổ vũ cho đội trường mình.

Khi đội thi đấu giành chiến thắng thì niềm tự hào là của cả trường chứ không riêng gì các tuyển thủ. Điều này đồng nghĩa với việc nhà trường trở nên nổi tiếng về môn thể thao ấy và học sinh của trường có thể được gọi vào các đội tuyển quốc gia và quốc tế để trường có những tên tuổi gắn liền với nó.

**1. What does a student have to do if he/she is in a sport team of the school? (*Một học sinh phải làm gì nếu anh/chị ấy ở trong một đội thể thao của trường?*)**

=> He/She has to do a lot of extra practice and often spends a Saturday or Sunday away from home.

**2. When are matches often played? (*Khi nào các trận đấu thường được diễn ra?*)**

=> They are often played on Saturdays and Sundays.

**3. Why does a sport team have to travel to other towns? (*Tại sao một đội thể thao phải di chuyển sang thị trấn (thành phố) khác?*)**

=> To play against other school teams.

**4. Do players always go by themselves? (*Có phải các tuyển thủ luôn luôn tự mình đi?*)**

=> No. Sometimes parents, friends and other students will travel with them.

5. Who feels proud when a school team wins? (*Ai cảm thấy tự hào khi một đội thể thao của trường giành chiến thắng?*)

=> The whole school does.

### **Soạn Grammar Unit 14 lớp 10 trang 153 - 154 - 155**

Complete the conversation with **a, an, the** or **zero** article. (*Hoàn thành cuộc hội thoại với mạo từ a, an, the hoặc không có mạo từ.*)

(1) **zero** (2) **The** (3) **zero** (4) **zero** (5) **the**

(6) **a** (7) **the** (8) **the** (9) **the** (10) **a**

- Rewrite the sentences, using **to + infinitive**. (*Viết lại các câu, sử dụng to + nguyên thể.*)

1. I stayed in **to watch** a film on television.

2. I wrote them a letter **to thank** them for the weekend.

3. She went to university **to study** engineering.

4. You should go to Britain **to improve** your English.

5. You should book the tickets well in advance **to see** that football match.

### **Soạn Writing Unit 14 lớp 10 trang 153 - 154 - 155**

Write an announcement for a relief fund to support people in flooded areas, using the cues given below. (*Viết một thông báo để gây quỹ ủng hộ đồng bào trong vùng lũ lụt, sử dụng các gợi ý đã cho dưới đây.*)

**Gợi ý:**

The monitor of class 10A1 wishes to announce that the musical performance of class 10A1 to raise money for people in flooded areas will be held at 7:30 p.m, on Thursday 23<sup>rd</sup> November in the school meeting hall. The ticket price is 5,000 VND.

